

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN
RỪNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **140** /VNFF-BĐH

Hà Nội, ngày **21** tháng **9** năm **2018**

V/v báo cáo phục vụ sơ kết 10 năm tổ
chức và vận hành Quỹ Bảo vệ và
Phát triển rừng.

Kính gửi: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh

Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức sơ kết 10 năm tổ chức và vận hành Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng.

Để có căn cứ đánh giá được các kết quả mà chính sách đã đạt được, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam đề nghị Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh báo cáo cụ thể các chỉ tiêu về thực hiện chính sách chi trả DVMTR tại địa phương tổng hợp theo biểu đính kèm.

Các báo cáo gửi về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam trước ngày 30/9/2018 theo địa chỉ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam, nhà A5, số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội, bằng file mềm về địa chỉ: buinguyenphuky@gmail.com.

Quỹ Trung ương đề nghị Bảo vệ và Phát triển rừng các tỉnh triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu: VT, BĐH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Thanh

**BIỂU TỔNG HỢP THÔNG KÊ CÁC ĐỐI TƯỢNG
ĐÃ ĐƯỢC NHẬN TIỀN DVMTR**

Quý BV & PTR tỉnh:.....

(Đính kèm công văn số 141/FF-BĐH, ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Quỹ
Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam)

1. Sau 8 năm có bao nhiêu thôn/bản tham gia chi trả DVMTR:..... Thôn/bản
Tổng số thôn/bản trên địa bàn tỉnh:..... Thôn/bản
2. Sau 8 năm có bao nhiêu xã tham gia chi trả DVMTR:..... xã
Tổng số đơn vị hành chính xã (và tương đương) trên địa bàn tỉnh:..... xã
3. Sau 8 năm có bao nhiêu huyện tham gia chi trả DVMTR:..... huyện
Tổng số đơn vị hành chính huyện (và tương đương) trên địa bàn tỉnh:.... huyện
4. Tổng số **hộ gia đình là chủ rừng trong 1 kỳ thanh toán** đã được nhận tiền DVMTR:..... hộ
5. Tổng số **hộ gia đình nhận khoán rừng trong một kỳ thanh toán** đã được nhận tiền DVMTR:..... hộ
6. Tổng số **nhóm hộ gia đình trong một kỳ thanh toán** đã được nhận tiền DVMTR:..... nhóm

Số hộ gia đình bình quân của một nhóm: Cao nhất:... hộ Thấp nhất:.....hộ
7. Tổng số cộng đồng dân cư trong một kỳ thanh toán đã được nhận tiền DVMTR:..... Cộng đồng

Số hộ gia đình bình quân của một CĐDC: Cao nhất:... hộ Thấp nhất:..... hộ
8. Mức chi trả tiền DVMTR bình quân (đồng/ha/năm) đã thực hiện ở tỉnh:
Cao nhất:..... đồng/ha/năm Thấp nhất:..... đồng/ha/năm
9. Diện tích rừng chi trả DVMTR bình quân của **hộ gia đình là chủ rừng**:
Cao nhất:..... Ha Thấp nhất:..... Ha
10. Diện tích rừng chi trả DVMTR bình quân của **hộ gia đình nhận khoán rừng**:
Cao nhất:..... Ha Thấp nhất:..... Ha

11. Diện tích rừng chi trả DVMTR bình quân của **một nhóm hộ gia đình**:

Cao nhất:..... Ha

Thấp nhất:..... Ha

12. Diện tích rừng chi trả DVMTR bình quân của **một cộng đồng dân cư**:

Cao nhất:..... Ha

Thấp nhất:..... Ha

13. Tổng số tiền DVMTR đã chi trả cho các hộ gia đình là chủ rừng trong 10 năm :..... Đồng

14. Tổng số tiền DVMTR đã chi trả cho các hộ gia đình nhận khoán trong 10 năm:..... đồng

15. Tổng số tiền DVMTR đã chi trả cho các cộng đồng dân cư trong 10 năm :..... Đồng

....., ngày...../...../ 2018

GIÁM ĐỐC QUỸ

(ký tên, đóng dấu)

**PHIẾU THU THẬP SỐ LIỆU PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ
THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG**
(Đính kèm công văn số 140/TT-UBND, ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Ủy
Ban Nhân dân và Phát triển rừng Việt Nam)

Kính gửi: Ủy Ban Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh.....

A. Số liệu đánh giá kết quả bảo vệ rừng của chính sách chi trả DVMTR

1. Diện tích rừng được bảo vệ từ nguồn tiền DVMTR (tính đến 31/12/2017):

TT	Chủ rừng hoặc tổ chức quản lý rừng (Ban QLR, Cty LN, UBND xã, LLVT, tổ chức khác)	Rừng đặc dụng (ha)	Rừng phòng hộ (ha)				Rừng sản xuất (ha)	Tổng cộng (ha)
			PH đầu nguồn	PH ven biển	PH môi trường	Tổng số		
TỔNG CỘNG								

2. Thống kê số các vụ vi phạm BVR qua các năm

ĐVT: Số vụ

TT	Loại rừng	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
1	Số vụ vi phạm tại các khu Rừng được chi trả tiền DVMTR							
2	Số vụ vi phạm tại các khu Rừng không được chi trả tiền DVMTR							
3	Tổng số vụ vi phạm							

3. Diện tích rừng cung ứng DVMTR bị giảm (tính đến 31/12/2017):

Đối tượng rừng bị mất	Tên chủ rừng hay tổ chức quản lý rừng	Diện tích rừng bị mất (ha)	Địa điểm (xã, huyện, lô, khoảnh, TK)	Nguyên nhân (bị cháy, chặt phá, chuyển MĐ bất hợp pháp, chuyển MĐ hợp pháp-Ghi rõ)
Rừng đặc dụng				
Rừng PH đầu nguồn				
Rừng PH ven biển				
Rừng PH môi trường				
Rừng mới trồng				
TỔNG CỘNG				

4. Diện tích rừng (ha) và mức chi trả tiền DVMTR (đồng/ha/năm):

Hạng mục	Năm							
	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Mức chi trả tiền DVMTR trung bình								
Mức chi trả tiền DVMTR cao nhất								
Mức chi trả tiền DVMTR thấp nhất								
Diện tích rừng cung ứng DVMTR								

Nhận xét về hiệu quả bảo vệ rừng (BVR) thông qua các mức chi trả tiền DVMTR:

Hiệu quả BVR với mức chi trả tiền DVMTR trung bình:.....

.....

Hiệu quả BVR với mức chi trả tiền DVMTR cao nhất:.....

.....

Hiệu quả BVR với mức chi trả tiền DVMTR thấp nhất:.....

.....

B. Số liệu đánh giá hiệu quả xã hội của chính sách chi trả DVMTR

1. Phân loại diện tích rừng cung ứng DVMTR được khoán bảo vệ rừng (Đơn vị tính: ha):

Tên chủ rừng hay tổ chức quản lý rừng (Ban QLR, Cty LN, UBND xã, LLVT, tổ chức khác)	DTR ký HĐ khoán từng hộ dân và từng hộ dân tự BVR (ha)	DTR ký HĐ khoán từng hộ dân và tuần tra rừng theo nhóm hộ (ha)	DTR ký HĐ với từng CĐDC và tuần tra rừng theo CĐDC (ha)	DTR ký HĐ với từng thôn, bản và tuần tra rừng theo thôn/bản (ha)	DTR không khoán mà tự tổ chức bảo vệ (ha)
CỘNG					

2. Thống kê số hộ dân được nhận tiền chi trả DVMTR để BVR:

Tên chủ rừng hay tổ chức quản lý rừng (Ban QLR, Cty LN, UBND xã, LLVT, tổ chức khác)	Số hộ dân được ký HĐ khoán rừng theo từng hộ (hộ)	Số hộ dân được ký HĐ khoán rừng theo từng cộng đồng dân cư (hộ)		Số hộ dân được ký HĐ khoán rừng theo từng thôn/bản (hộ)		Tổng cộng (hộ)		
		Số CĐDC có HĐ khoán	Số hộ dân của tất cả các CĐDC	Số thôn, bản có HĐ khoán	Số hộ dân của tất cả các thôn, bản	Tổng số hộ ký HĐ khoán BVR	Trong đó số hộ đồng bào dân tộc thiểu số	Trong đó số hộ có chủ hộ là phụ nữ
CỘNG								

3. Nhận xét ưu điểm, nhược điểm về hiệu quả BVR và phân phối tiền DVMTR của từng phương thức bảo vệ rừng:

a) Phương thức tuần tra BVR theo từng hộ dân (mô tả phương thức và nhận xét):.....

.....

b) Phương thức tuần tra BVR theo từng nhóm hộ dân (mô tả phương thức và nhận xét):.....

.....

c) Phương thức tuần tra BVR theo từng thôn/bản (mô tả phương thức và nhận xét):.....

.....

.....

d) Đề xuất nên áp dụng phương thức bảo vệ rừng nào, lý do:.....

.....

.....

.....

4. Trong tổng số hộ dân được nhận tiền chi trả DVMTR:

a) Có bao nhiêu hộ ĐBDT:.....hộ; Dân tộc gì:.....

b) Có bao nhiêu hộ nghèo:.....hộ; hộ cận nghèo:.....hộ
(theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 về chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2016-2020)

c) Định mức diện tích rừng khoán cho hộ dân: Cao nhất.....ha/hộ

Trung bình:.....ha/hộ; Thấp nhất:.....ha/hộ

5. Thu nhập tiền DVMTR bình quân của một hộ dân (bình quân 5 khẩu/hộ):

Cao nhất.....đồng/hộ/năm; Thấp nhất:.....đồng/hộ/năm

6. Số tiền tối thiểu cần có để trang trải chi tiêu của một hộ dân/tháng:.....đồng

Gồm những hạng mục chi tiêu gì/bao nhiêu:.....

.....

.....

.....

7. Đề xuất giải pháp cải thiện thu nhập cho các hộ nghèo và cận nghèo BVR:.....

.....

8. Tiền ủy thác DVMTR được chi trả đến tận hộ dân như thế nào (mô tả phương thức chi trả từ Quỹ tỉnh, tổ chức chủ rừng theo các phương thức khoán BVR như Mục 2 trên đây):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

9. Hộ dân có biết chính xác số tiền DVMTR họ được nhận không: Có ☐ Không ☐

Nếu CÓ, bằng cách nào:.....

.....

Nếu KHÔNG, lý do:.....

.....

10. Số tiền DVMTR giữa hợp đồng và số họ thực nhận có khác nhau không:

Có ☐ Không ☐ Nếu

CÓ, lý do:.....

.....

Nếu KHÔNG, lý do:.....

.....

.....

.....

.....

.....

C. Số liệu về hiệu quả kinh tế của chính sách chi trả DVMTR

1. Thống kê số liệu tài chính, quản lý và sử dụng tiền chi trả DVMTR tại các Quỹ BV&PTR

TT	A. Các khoản thu	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
1	Thu từ VNFF chuyển về							
2	Thu từ các đối tượng ủy thác chi trả, Trong đó: + Thu từ DN thủy điện + Thu từ DN nước sạch + Thu từ DN du lịch + Thu từ dịch vụ nước CN + Thu từ dịch vụ NT Thủy sản + Thu từ các dịch vụ khác							
3	Thu phạt nộp chậm							
4	Thu lãi tiền gửi ngân hàng							
5	Thu từ các nguồn thu khác							
	Tổng thu							
	B. Các khoản chi							
1	Chi cho các chủ rừng cung ứng DVMTR Trong đó: 1.1. Các chủ rừng là tổ chức nhà nước và Tổ chức không phải là chủ rừng như được nhà nước giao trách nhiệm bảo vệ rừng: + Các BQL rừng + Công ty Lâm nghiệp + UBND các xã + Kiểm lâm + Lực lượng vũ trang 1.2. Các Tổ chức chính trị xã hội được nhà nước giao trách nhiệm rừng bảo vệ rừng: + (Đoàn Thanh niên; Hội Phụ nữ; Hội cựu chiến binh.....) 1.3. Các chủ rừng là tổ chức không thuộc nhà nước (DN). Trong đó: + Doanh nghiệp quốc doanh + Doanh nghiệp tư nhân							

	+ Các tổ chức khác 1.4. Chủ rừng là hộ gia đình/cá nhân/cộng đồng dân cư Trong đó: + Chủ rừng là hộ gia đình + Chủ rừng là cộng đồng dân cư + Chủ rừng là cộng đồng dân cư thôn/bản							
2	Chi phí quản lý Quỹ (Trích tối đa 10% tổng nguồn thu DVMTR) 2.1. Chi hành chính văn phòng 2.2. Dịch vụ công cộng 2.3 Sửa chữa thường xuyên 2.4. Thông tin tuyên truyền 2.5. Hội họp, đào tạo, tập huấn 2.6. Công tác phí 2.7. Tiền thuê mướn, 2.8. Tiếp nhận tiền, thanh quyết toán, kiểm tra, giám sát, kiểm toán 2.9. Hỗ trợ các hoạt động liên quan nghiệm thu, đánh giá rừng 2.10. Hỗ trợ các hoạt động kỹ thuật theo dõi chất lượng DVMTR 2.11. Hỗ trợ các hoạt động liên quan chi trả DVMTR ở cấp huyện, xã, thôn 2.12 Mua sắm tài sản 2.13. Các khoản chi khác							
2.b	Tiền lương CBCNV, CB kiêm nhiệm làm việc tại Quỹ (tính cả hệ số thu nhập tăng thêm và các quỹ kèm theo)							
3	Trích lập quỹ dự phòng Trong đó: + Phần trích không quá 5% từ tổng số tiền ủy thác + Các nguồn KP hợp pháp khác được đưa vào dự phòng							

4	Chi từ Quỹ dự phòng Trong đó: + Hỗ trợ thiên tai, khô hạn + Chi các trường hợp khác						
5	Các khoản chi khác (nếu có)						
6	TỔNG CHI						

2. Các nguồn kinh phí đầu tư cho BVR của tỉnh trong giai đoạn 2011 - 2017(Đơn vị tính: đồng):

Năm	Kinh phí đầu tư cho BVR&PTR từ NSNN tỉnh	Kinh phí đầu tư cho BVR&PTR từ nguồn NSNN TW	Kinh phí đầu tư cho BV&PTR từ các nguồn khác (quốc tế, XHH..)	Cộng (2+3+4)	Tổng số tiền chi trả DVMTR	Tỷ lệ % (6/5)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2011						
2012						
2013						
2014						
2015						
2016						
2017						
Cộng						

3. Đánh giá về cơ chế chi trả dịch vụ của chính sách chi trả DVMTR:

a) Đánh giá về việc thực hiện chức năng chi trả ủy thác tiền DVMTR của Quỹ:.....

b) Đánh giá về việc thực hiện chức năng chi trả ủy thác tiền DVMTR của tổ chức chủ rừng:.....

c) Đánh giá về quan hệ giữa các cơ sở sản xuất thủy điện chi trả tiền và Quỹ:.....

Nhận xét, đánh giá của các cơ sở SXTĐ về tiền DVMTR họ ủy thác chi trả:.....

Nhận xét, đánh giá của các cơ sở SXTĐ về tình trạng bảo vệ rừng:.....

.....

C. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG CỬA VỀ HIỆU QUẢ MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, KINH TẾ CỦA CHÍNH SÁCH CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

1. Ưu điểm:.....

.....

.....

.....

2. Tồn tại, hạn chế :.....

.....

3. Những khuyết điểm cần khắc phục, chỉnh sửa:.....

.....

.....

.....

4. Các kiến nghị:.....

.....

....., ngày.....tháng 9 năm 2018

GIÁM ĐỐC QUỶ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)